

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Khóa thi ngày 22/11/2020

Ca thi: 01 (07h00)

Phòng 01 (A5-208)

ST T	SBD	Họ	tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã đề	Ký nộp	Kết quả	Ghi chú
1	011001	Lê Trần Minh	Ái	Nữ	06-06-1999	Thái Nguyên				
2	011002	Alăng Thị	Ấm	Nữ	05-09-1999	Thái Nguyên				
3	011003	Trần Bảo Quán	Âm	Nữ	23-06-1999	Thái Nguyên				
4	011004	Mai Trường	An	Nam	20-05-1999	Quảng Nam				
5	011005	Hồ Nguyễn Duy	An	Nam	16-03-2001	Thái Nguyên				
6	011006	Phan Thị Phương	Anh	Nữ	12-02-1999	Thái Nguyên				
7	011007	Trần Thị Lan	Anh	Nữ	05-09-1999	Gia Lai				
8	011008	Nguyễn Thị Vân	Anh	Nữ	06-10-1999	Thái Nguyên				
9	011009	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	16-04-1999	TP. Đà Nẵng				
10	011010	Trần Hà Phương	Ánh	Nữ	22-11-1999	Thái Nguyên				
11	011011	Huỳnh Bá	Bảo	Nam	05-08-1999	Thái Nguyên				
12	011012	Lê Thị Thanh	Bền	Nữ	20-04-1999	Quảng Ngãi				
13	011013	Zơ Râm Thị Bé	Bi	Nữ	06-11-2000	Thái Nguyên				
14	011014	Bùi Đức	Biền	Nam	15-08-1997	Thái Nguyên				
15	011015	Nguyễn Phương	Bình	Nam	21-02-1984	TP. Đà Nẵng				
16	011016	Huỳnh Thị Thái	Bình	Nữ	26-04-1998	Quảng Nam				
17	011017	Trần Đặng Kim	Chi	Nữ	22-11-1999	Quảng Trị				
18	011018	Trần Thị Kim	Chung	Nữ	15-10-1998	Quảng Nam				
19	011019	Hồ Thị	Diễm	Nữ	13-08-1999	Quảng Nam				
20	011020	Nguyễn Đình	Dũng	Nam	07-11-1999	Thái Nguyên				
21	011021	Nguyễn Thị	Dương	Nữ	10-03-1999	Quảng Nam				
22	011022	Lưu Đức	Duy	Nam	10-03-1999	Thái Nguyên				
23	011023	Nguyễn Thành	Duyên	Nữ	21-11-1999	Quảng Nam				
24	011024	Trần Thị	Duyên	Nữ	06-09-1999	Thái Nguyên				
25	011025	Nguyễn Phúc	Đồng	Nam	23-05-1999	Thái Nguyên				
26	011026	Y	Gen	Nam	15-09-1998	Thái Nguyên				
27	011027	Nguyễn Hương	Giang	Nữ	22-07-1999	TP. Đà Nẵng				
28	011028	Trần Thục	Giăng	Nữ	20-11-1999	Thái Nguyên				
29	011029	Võ Thị Nguyệt	Hà	Nữ	02-08-1999	Thái Nguyên				
30	011030	Zơrâm Xuân	Hà	Nữ	10-10-1997	Quảng Nam				
31	011031	Nguyễn Thị Thùy	Hải	Nữ	17-03-1999	Quảng Nam				
32	011032	Nguyễn Tú	Hân	Nữ	01-05-1998	Thanh Hóa				
33	011033	Trần Bá	Hàn	Nam	21-06-1998	Thái Nguyên				

Ấn định danh sách này có 33 thí sinh. Số thí sinh dự thi:.....số thí sinh vắng thi:.....

Ghi chú: Thí sinh mang theo CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 11 năm 2020

CB coi thi 1

CB coi thi 2

Duyệt kết quả

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
Khóa thi ngày 22/11/2020

Ca thi: 01 (07h00)

Phòng 02 (A5-209)

ST T	SBD	Họ	tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã đề	Ký nộp	Kết quả	Ghi chú
1	011034	Huỳnh Thị Ngọc	Hằng	Nữ	03-06-1999	Gia Lai				
2	011035	Nguyễn Lý	Hằng	Nữ	16-09-1999	Thái Nguyên				
3	011036	Trịnh Thu	Hằng	Nữ	16-09-1999	Thái Nguyên				
4	011037	Alăng Thị	Hằng	Nữ	26-03-1997	Quảng Nam				
5	011038	Đặng Thị	Hằng	Nữ	06-03-1999	Thái Nguyên				
6	011039	Lê Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	12-06-1999	Thái Nguyên				
7	011040	Thái Thị Thu	Hạnh	Nữ	24-05-1999	TP. Đà Nẵng				
8	011041	Lại Thị	Hạnh	Nữ	06-04-1999	Thanh Hóa				
9	011042	Bùi Thị	Hạnh	Nữ	15-08-1999	Thái Nguyên				
10	011043	Mai Thanh	Hảo	Nam	20-12-2000	Thái Nguyên				
11	011044	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	08-04-1999	Thái Nguyên				
12	011045	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	23-11-1999	Quảng Nam				
13	011046	Hiền	Hiệp	Nữ	26-01-1999	Quảng Nam				
14	011047	Trương Thị Minh	Hiếu	Nữ	12-03-1999	Phú Yên				
15	011048	Phạm Thị Thanh	Hiếu	Nữ	20-10-1999	Thái Nguyên				
16	011049	Võ Thị	Hòa	Nữ	01-11-1999	Thái Nguyên				
17	011050	Hoàng Thị	Hòa	Nữ	24-09-1998	Hà Tĩnh				
18	011051	Hoàng Thị	Hồng	Nữ	28-10-1998	Thái Nguyên				
19	011052	Hồ Thị Bích	Hợp	Nữ	29-03-1999	Thái Nguyên				
20	011053	Nay H	Hứa	Nữ	13-09-1999	Gia Lai				
21	011054	Nguyễn Hải	Huấn	Nam	13-03-1999	Thái Nguyên				
22	011055	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	26-11-1999	Thái Nguyên				
23	011056	Võ Thị Thùy	Hương	Nữ	24-05-1999	Thái Nguyên				
24	011057	Nguyễn Thị Thúy	Hương	Nữ	05-05-1999	Quảng Nam				
25	011058	Vương Quốc	Huy	Nam	26-08-1999	Thái Nguyên				
26	011059	Phạm Trọng	Huy	Nam	02-11-1998	Thái Nguyên				
27	011060	Hoàng Thị Minh	Huyền	Nữ	10-04-1999	Kon Tum				
28	011061	Y	Huyền	Nữ	15-05-1999	Thái Nguyên				
29	011062	Hoàng Thị Thu	Huyền	Nữ	14-04-1999	Thái Nguyên				
30	011063	Bùi Minh	Khanh	Nam	26-12-1984	TP. Đà Nẵng				
31	011064	Phan Quốc	Khánh	Nam	02-09-1999	Thái Nguyên				
32	011065	Lê Huỳnh Thị Kim	Khánh	Nữ	23-04-1999	Thái Nguyên				
33	011066	Nguyễn Văn Thành	Khoa	Nam	17-02-1999	Thái Nguyên				

Ấn định danh sách này có 33 thí sinh. Số thí sinh dự thi:.....số thí sinh vắng thi:.....

Ghi chú: Thí sinh mang theo CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 11 năm 2020

CB coi thi 1

CB coi thi 2

Duyệt kết quả

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

Khóa thi ngày 22/11/2020

Ca thi: 01 (07h00)

Phòng 03 (A5-210)

ST T	SBD	Họ	tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã đề	Ký nộp	Kết quả	Ghi chú
1	011067	Trần Trung	Khoa	Nam	25-05-1998	Quảng Ngãi				
2	011068	Vũ Quốc	Lành	Nam	07-04-1999	Thái Nguyên				
3	011069	Võ Thị	Lành	Nữ	08-02-1999	Thái Nguyên				
4	011070	Nguyễn Thị Kim	Liều	Nữ	20-11-1999	Thái Nguyên				
5	011071	Dương Văn	Linh	Nam	07-09-1999	Thái Nguyên				
6	011072	Dương Thùy	Linh	Nữ	13-10-1999	Thái Nguyên				
7	011073	Hà Trương Mỹ	Linh	Nữ	13-04-1998	Quảng Bình				
8	011074	Nguyễn Hoàng Thùy	Linh	Nữ	08-11-1998	Thái Nguyên				
9	011075	Lưu Thị Thùy	Linh	Nữ	19-04-1999	Gia Lai				
10	011076	Trương Thị Thùy	Linh	Nữ	08-01-1999	Thái Nguyên				
11	011077	Lê Thị Công	Loan	Nữ	14-02-1999	Thái Nguyên				
12	011078	Huỳnh Phước	Lợi	Nữ	27-05-1999	Quảng Ngãi				
13	011079	Alăng Thị	Luật	Nữ	09-05-1999	Thái Nguyên				
14	011080	Phan Thị Ngọc	Lý	Nữ	17-08-1999	Thái Nguyên				
15	011081	Phạm Lê Ngọc	Ly	Nữ	07-10-1999	Thái Nguyên				
16	011082	Tổng Thị Minh	Mai	Nữ	28-12-1999	Thái Nguyên				
17	011083	Trương Thị Trà	My	Nữ	24-05-1999	Thái Nguyên				
18	011084	Nguyễn Lê Thúy	Na	Nữ	01-05-1999	Thái Nguyên				
19	011085	Lê Thị Diễm	Na	Nữ	05-09-1999	Thái Nguyên				
20	011086	Phạm Phương	Nam	Nam	25-01-1997	Thái Nguyên				
21	011087	Bùi Thị	Nga	Nữ	02-10-1999	Thái Nguyên				
22	011088	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	02-10-1999	Thái Nguyên				
23	011089	Nguyễn Phạm Vy	Ngân	Nữ	09-06-1999	Thái Nguyên				
24	011090	Lê Quốc	Nghĩa	Nam	25-01-1989	Quảng Nam				
25	011091	Trần Hồng	Ngọc	Nữ	08-07-1999	Thái Nguyên				
26	011092	Cao Thị Bích	Ngọc	Nữ	20-11-1999	Thái Nguyên				
27	011093	Nguyễn Thị Mẫn	Ngọc	Nữ	25-09-1999	Thái Nguyên				
28	011094	Phạm Thị Minh	Ngọc	Nữ	17-08-1999	Thái Nguyên				
29	011095	Bùi Thị Xuân	Nguyên	Nữ	19-03-1999	Thái Nguyên				
30	011096	Lê Thị	Nguyệt	Nữ	10-09-1999	Thái Nguyên				
31	011097	Trần Thị	Nguyệt	Nữ	09-01-1999	Thái Nguyên				
32	011098	Bùi Thị Ánh	Nguyệt	Nữ	17-06-1999	TP. Đà Nẵng				
33	011099	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	Nữ	15-07-1999	Đắk Lắk				

Ấn định danh sách này có 33 thí sinh. Số thí sinh dự thi:.....số thí sinh vắng thi:.....

Ghi chú: Thí sinh mang theo CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 11 năm 2020

CB coi thi 1

CB coi thi 2

Duyệt kết quả

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
Khóa thi ngày 22/11/2020

Ca thi: 02 (09h00)

Phòng 04 (A5-208)

ST T	SBD	Họ	tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã đề	Ký nộp	Kết quả	Ghi chú
1	011100	Ngô Thảo	Nhi	Nữ	25-10-1997	Hải Dương				
2	011101	Vũ Thị Thảo	Nhi	Nữ	26-10-1999	Gia Lai				
3	011102	Lê Thị	Nhi	Nữ	23-01-1998	Quảng Ngãi				
4	011103	Phan Bình	Nhi	Nữ	22-08-1999	TP. Đà Nẵng				
5	011104	Nguyễn Thị Bích	Nhiệm	Nữ	05-11-1999	Thái Nguyên				
6	011105	Trần Thị Bội	Nhiên	Nữ	05-02-1999	Thái Nguyên				
7	011106	Phạm Thị Quỳnh	Như	Nữ	20-07-1999	Thái Nguyên				
8	011107	Lê Thị Huỳnh	Như	Nữ	26-06-1999	Tiền Giang				
9	011108	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	20-03-1999	Thái Nguyên				
10	011109	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	26-04-1999	Nghệ An				
11	011110	Bnướcch Thị	Nhung	Nữ	12-08-1998	Quảng Nam				
12	011111	H Duyên	Niê	Nữ	30-06-1998	Đắk Lắk				
13	011112	Trần Phan Ngọc	Nữ	Nữ	30-01-1999	Thái Nguyên				
14	011113	Nguyễn Đình Tú	Oanh	Nữ	23-12-1999	Thái Nguyên				
15	011114	Tơ Ngôn	Phiên	Nữ	10-01-1999	Quảng Nam				
16	011115	Nguyễn Xuân	Phú	Nam	08-06-1999	Thái Nguyên				
17	011116	Huỳnh Hồng	Phúc	Nữ	02-06-1999	Thái Nguyên				
18	011117	Phạm Thị	Phúc	Nữ	10-10-1999	Quảng Nam				
19	011118	Đào Ngọc Mai	Phương	Nữ	11-08-1999	Thái Nguyên				
20	011119	Nguyễn Thị Kim	Phượng	Nữ	05-07-1999	Thái Nguyên				
21	011120	Nguyễn Thị Thanh	Phương	Nữ	14-06-1999	Thái Nguyên				
22	011121	Phạm Bá Phú	Quang	Nam	12-05-1999	Thái Nguyên				
23	011122	Huỳnh Đình	Quang	Nam	06-06-1999	Thái Nguyên				
24	011123	Phạm Hoàng	Quốc	Nam	24-04-1998	Thái Nguyên				
25	011124	Đặng Minh	Quý	Nam	10-07-1999	Thái Nguyên				
26	011125	Đoàn Thị Châu	Sa	Nữ	31-01-1999	Thái Nguyên				
27	011126	Lương Thị	Sâm	Nữ	13-02-1999	Thái Nguyên				
28	011127	Nguyễn Văn	Sang	Nam	16-08-1988	Quảng Bình				
29	011128	Đỗ Thị Thu	Sương	Nữ	11-11-1999	Thái Nguyên				
30	011129	Nguyễn Thị Thu	Sương	Nữ	31-05-1999	Thừa Thiên - Huế				
31	011130	Nguyễn Thị	Sương	Nữ	25-02-1993	Quảng Nam				
32	011131	Trần Văn	Tài	Nam	04-06-1999	Thái Nguyên				
33	011132	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	10-10-1999	Thái Nguyên				

Ấn định danh sách này có 33 thí sinh. Số thí sinh dự thi:.....số thí sinh vắng thi:.....

Ghi chú: Thí sinh mang theo CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 11 năm 2020

CB coi thi 1

CB coi thi 2

Duyệt kết quả

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
Khóa thi ngày 22/11/2020

Ca thi: 02 (09h00)

Phòng 05 (A5-209)

ST T	SBD	Họ	tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã đề	Ký nộp	Kết quả	Ghi chú
1	011133	Trần Thị Như	Tâm	Nữ	06-05-1999	TP. Đà Nẵng				
2	011134	Nguyễn Thị	Tâm	Nữ	20-02-1999	Thái Nguyên				
3	011135	Lý Thị Thanh	Tâm	Nữ	24-02-1999	Thái Nguyên				
4	011136	Nguyễn Thị Thiện	Tâm	Nữ	16-10-1999	TP. Đà Nẵng				
5	011137	Lê Thị Ngọc	Tâm	Nữ	11-06-1999	Thái Nguyên				
6	011138	Phan Lê	Tấn	Nam	06-10-1999	Thái Nguyên				
7	011139	Trần Thị	Tệ	Nữ	09-10-1999	Quảng Nam				
8	011140	Nguyễn Thị Hiền	Thắm	Nữ	18-02-1999	Thái Nguyên				
9	011141	Trương Đan	Thanh	Nữ	19-01-1999	Thái Nguyên				
10	011142	Nguyễn Thị Kim	Thanh	Nữ	13-03-1999	Thái Nguyên				
11	011143	Trương Văn	Thanh	Nam	01-10-1986	Đắk Lắk				
12	011144	Lê Thị Thu	Thanh	Nữ	26-04-1999	Quảng Trị				
13	011145	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	14-10-2000	Thái Nguyên				
14	011146	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	21-10-1999	Quảng Ngãi				
15	011147	Nguyễn Thị	Thật	Nữ	20-02-1999	Thái Nguyên				
16	011148	Nguyễn Trường	Thi	Nam	19-02-1999	Thái Nguyên				
17	011149	Phan Thị Trúc	Thi	Nữ	11-06-1999	Thái Nguyên				
18	011150	Nguyễn Đức	Thiện	Nam	29-05-1997	Thái Nguyên				
19	011151	Rơ Trần	Thiện	Nữ	05-02-1998	Gia Lai				
20	011152	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Nữ	17-02-1999	Thái Nguyên				
21	011153	Nguyễn Văn	Thoan	Nam	14-06-1987	Quảng Bình				
22	011154	Trần Thị	Thơm	Nữ	21-07-1999	Thái Nguyên				
23	011155	Nguyễn Thị Hồng	Thơm	Nữ	04-11-1999	Thái Nguyên				
24	011156	Lê Huyền Thanh	Thương	Nữ	15-08-1999	Kon Tum				
25	011157	Huỳnh Thị Thu	Thùy	Nữ	04-05-1999	Quảng Nam				
26	011158	Thái Thị Thanh	Thùy	Nữ	19-03-1999	Thái Nguyên				
27	011159	Dương Thị	Thủy	Nữ	25-03-1999	Thái Nguyên				
28	011160	Phạm Thị Thanh	Thúy	Nữ	27-10-1999	Quảng Nam				
29	011161	Nguyễn Thủy	Tiên	Nữ	18-06-1999	Thái Nguyên				
30	011162	Thái Thị	Tình	Nữ	25-01-1999	Thái Nguyên				
31	011163	Hồ Thị	Tô	Nữ	21-08-1999	Thái Nguyên				
32	011164	Trương Trần Thanh	Trà	Nữ	10-01-1999	Thái Nguyên				
33	011165	Lê Thị Bích	Trâm	Nữ	14-04-1999	TP. Hồ Chí Minh				

Ấn định danh sách này có 33 thí sinh. Số thí sinh dự thi:.....số thí sinh vắng thi:.....

Ghi chú: Thí sinh mang theo CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 11 năm 2020

CB coi thi 1

CB coi thi 2

Duyệt kết quả

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN**

Khóa thi ngày 22/11/2020

Ca thi: 02 (09h00)

Phòng 06(A5-210)

ST T	SBD	Họ	tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Mã đề	Ký nộp	Kết quả	Ghi chú
1	011166	Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	27-07-1999	Đắk Lắk				
2	011167	Hồ Thị Bích	Trân	Nữ	12-03-1998	TP. Đà Nẵng				
3	011168	Trần Phan Ngọc	Trang	Nữ	15-10-1999	Thái Nguyên				
4	011169	Đỗ Thùy	Trang	Nữ	11-10-1999	Thái Nguyên				
5	011170	Phạm Bùi Linh	Trang	Nữ	27-06-1999	Thái Nguyên				
6	011171	Lưu Thị Thùy	Trang	Nữ	12-09-1999	Nghệ An				
7	011172	Phan Thị	Trang	Nữ	06-05-1999	Thái Nguyên				
8	011173	Huỳnh Thị	Trình	Nữ	19-01-1999	Thái Nguyên				
9	011174	Trần Thị Tú	Trình	Nữ	14-11-1999	Thái Nguyên				
10	011175	Bùi Thị Kim	Trúc	Nữ	21-02-1999	Thái Nguyên				
11	011176	Hoàng Thị	Trúc	Nữ	30-09-1999	Thái Nguyên				
12	011177	Trần Thị Minh	Trung	Nữ	30-04-1999	Thái Nguyên				
13	011178	Nguyễn Thành	Trung	Nam	01-05-1984	Quảng Nam				
14	011179	Phạm Ngọc	Trung	Nam	05-10-1992	TP. Đà Nẵng				
15	011180	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	07-07-1999	Thái Nguyên				
16	011181	Phan Thị Mai	Tuyết	Nữ	14-04-1999	Thái Nguyên				
17	011182	Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	20-07-1999	Thái Nguyên				
18	011183	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	27-10-1998	Thái Nguyên				
19	011184	Phạm Thị Thúy	Vân	Nữ	10-05-1984	Quảng Nam				
20	011185	Phạm Thị Thuý	Vân	Nữ	18-06-1999	Thái Nguyên				
21	011186	Nguyễn Ngô Tường	Vi	Nữ	07-02-1999	Kon Tum				
22	011187	Nguyễn Chấn	Viễn	Nam	24-05-1999	Thái Nguyên				
23	011188	Phan Thị	Vui	Nữ	31-01-1999	Thái Nguyên				
24	011189	Diệp Hải	Vương	Nam	11-10-1999	Thái Nguyên				
25	011190	Phan Thị Tường	Vy	Nữ	19-05-1999	Quảng Ngãi				
26	011191	Đỗ Thị Tường	Vy	Nữ	12-04-1999	Thái Nguyên				
27	011192	Võ Thị Tường	Vy	Nữ	04-04-1999	Thái Nguyên				
28	011193	Trương Thị Thanh	Xuân	Nữ	02-06-1999	Quảng Ngãi				
29	011194	Lê Thị Như	Ý	Nữ	13-08-1999	Thái Nguyên				
30	011195	Trương Như	Ý	Nữ	04-09-1999	TP. Đà Nẵng				
31	011196	Phan Thị Hải	Yến	Nữ	15-06-1999	Đắk Nông				
32	011197	Nguyễn Thị	Yến	Nữ	07-05-1978	Quảng Nam				
33	011198	Võ Thị Hoàng	Yến	Nữ	01-04-1998	Thái Nguyên				
34	011199	Lê Doãn	Thông	Nam	09-08-1999	TP. Đà Nẵng				

Ấn định danh sách này có 34 thí sinh. Số thí sinh dự thi:.....số thí sinh vắng thi:.....

Ghi chú: Thí sinh mang theo CMND hoặc giấy tờ tùy thân có ảnh để vào phòng thi

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 11 năm 2020

CB coi thi 1

CB coi thi 2

Duyệt kết quả

CB chấm thi 1

CB chấm thi 2